

Trường Đại Học Mở - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kế toán (7340301)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 1						
1	7010114	Toán cao cấp 1	3	45		
2	7010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
3	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
4	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
5	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	3	45		
Học Kỳ Thứ 2						
1	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
2	7010601	Tiếng Anh 1	3	45		
3	7010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		
4	7020104	Pháp luật đại cương	2	30		
5	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
Học Kỳ Thứ 3						
1	7010602	Tiếng Anh 2	3	45		
2	7010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
3	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
4	7070102	Kinh tế lượng	3	45		
5	7070104	Kinh tế vi mô	3	45		
6	7070105	Kinh tế vĩ mô	3	45		
Học Kỳ Thứ 4						
1	7070107	Luật Kinh tế	2	30		
2	7070109	Nguyên lý thống kê	2	30		
3	7070207	Marketing căn bản	3	45		
4	7070215	Quản trị học	3	45		
5	7070432	Nguyên lý kế toán	3	45		
6	7070436	Tài chính tiền tệ	3	45		
7	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		
Học Kỳ Thứ 5						
1	7070428	Lý thuyết tiền tệ	2	30		
2	7070435	Tài chính doanh nghiệp	3	45		
3	7070438	Thị trường chứng khoán	2	30		
4	7070443	Thuế	2	30		
5	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3	45		
6	7070404	Đồ án nguyên lý kế toán	1	15	7340301_01	Kế toán
7	7070417	Kế toán tài chính 1	4	60	7340301_01	Kế toán
8	7070426	Lý thuyết kế toán công	3	45	7340301_02	Kế toán tài chính công
9	7070427	Lý thuyết tài chính công	3	45	7340301_02	Kế toán tài chính công
Học Kỳ Thứ 6						
1	7070415	Kế toán quản trị	3	45		
2	7070423	Kiểm toán căn bản	3	45		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kế toán (7340301)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
3	7300201	Quản sự chung và chiến thuật	5	75		
4	7070402	Đồ án kế toán quản trị	1	15	7340301_01	Kế toán
5	7070418	Kế toán tài chính 2	3	45	7340301_01	Kế toán
6	7070421	Kế toán thương mại dịch vụ	3	45	7340301_01	Kế toán
7	7070439	Thực tập nghiệp vụ kế toán	2	30	7340301_01	Kế toán
8	7070411	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	60	7340301_02	Kế toán tài chính công
9	7070440	Thực tập nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị công	2	30	7340301_02	Kế toán tài chính công
10	7070446	Tổ chức quản lý thuế	2	30	7340301_02	Kế toán tài chính công
Học Kỳ Thứ 7						
1	7070115	Tin học ứng dụng trong kinh tế	3	45		
2	7070317	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	3	45	7340301_01	Kế toán
3	7070403	Đồ án kế toán tài chính 2	1	15	7340301_01	Kế toán
4	7070412	Kế toán máy	2	30	7340301_01	Kế toán
5	7070444	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	45	7340301_01	Kế toán
6	7070401	Đồ án kế toán công	1	15	7340301_02	Kế toán tài chính công
7	7070409	Kế toán đơn vị công trên máy	2	30	7340301_02	Kế toán tài chính công
8	7070414	Kế toán ngân sách nhà nước	3	45	7340301_02	Kế toán tài chính công
9	7070434	Quản lý tài chính công trong đơn vị công	3	45	7340301_02	Kế toán tài chính công
Học Kỳ Thứ 8						
1	7070405	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7340301_01	Kế toán
2	7070441	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7340301_01	Kế toán
3	7070406	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7340301_02	Kế toán tài chính công
4	7070442	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7340301_02	Kế toán tài chính công

Ngày.....tháng.....năm.....

DANH MỤC MÔN HỌC TỰ CHỌN NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)

Tiêu chuẩn A7340301_01

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7010115	Toán cao cấp 2	3
2	7010204	Vật lý đại cương 1	4
3	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3
4	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3
5	7010603	Tiếng Anh 3	2
6	7010604	Tiếng Anh 4	2
<i>Cộng</i>			<i>17</i>

Tiêu chuẩn A7340301_02

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7010115	Toán cao cấp 2	3
2	7010204	Vật lý đại cương 1	4
3	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3
4	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3
5	7010603	Tiếng Anh 3	2
6	7010604	Tiếng Anh 4	2
<i>Cộng</i>			<i>17</i>

Tiêu chuẩn B7340301_01

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7070407	Kế toán bảo hiểm	2
2	7070408	Kế toán chi phí sản xuất	3
3	7070409	Kế toán đơn vị công trên máy	2
4	7070410	Kế toán dự trữ Nhà nước	2
5	7070411	Kế toán hành chính sự nghiệp	4
6	7070413	Kế toán ngân hàng	2
7	7070414	Kế toán ngân sách nhà nước	3
8	7070420	Kế toán thuế	2
9	7070422	Kế toán xây dựng cơ bản	2
10	7070425	Lý thuyết bảo hiểm	2
11	7070426	Lý thuyết kế toán công	3
12	7070427	Lý thuyết tài chính công	3
13	7070429	Nghiệp vụ bảo hiểm	2
14	7070430	Nghiệp vụ hải quan	2
15	7070431	Nghiệp vụ ngân hàng	2
16	7070433	Phân tích chính sách công	3

17	7070434	Quản lý tài chính công trong đơn vị công	3
18	7070437	Thanh toán quốc tế	2
19	7070445	Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị công	2
20	7070446	Tổ chức quản lý thuế	2
<i>Cộng</i>			<i>48</i>

Tiêu chuẩn B7340301_02

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7070407	Kế toán bảo hiểm	2
2	7070408	Kế toán chi phí sản xuất	3
3	7070410	Kế toán dự trữ Nhà nước	2
4	7070412	Kế toán máy	2
5	7070413	Kế toán ngân hàng	2
6	7070419	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3
7	7070420	Kế toán thuế	2
8	7070421	Kế toán thương mại dịch vụ	3
9	7070422	Kế toán xây dựng cơ bản	2
10	7070425	Lý thuyết bảo hiểm	2
11	7070429	Nghệp vụ bảo hiểm	2
12	7070430	Nghệp vụ hải quan	2
13	7070431	Nghệp vụ ngân hàng	2
14	7070433	Phân tích chính sách công	3
15	7070437	Thanh toán quốc tế	2
16	7070444	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3
17	7070445	Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị công	2
<i>Cộng</i>			<i>39</i>

Tiêu chuẩn C7340301_01

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7000001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
2	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
3	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
4	7000004	Kỹ năng tư duy phê phán	2
5	7000005	Tâm lý học đại cương	2
6	7000006	Tiếng Việt thực hành	2
7	7070101	Kinh doanh quốc tế	2
8	7070103	Kinh tế quốc tế	2
9	7070106	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
10	7070108	Mô hình toán kinh tế	2

11	7070110	Pháp luật về doanh nghiệp	2
12	7070112	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3
13	7070113	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	2
14	7070114	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2
15	7070205	Khởi nghiệp kinh doanh	2
16	7070211	Quản trị chiến lược	2
17	7070216	Quản trị logistics kinh doanh	2
18	7070220	Quản trị tri thức	2
19	7070222	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2
20	7070310	Kinh tế công nghiệp	3
21	7070312	Kinh tế môi trường	2
22	7070313	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	2
23	7070314	Kinh tế phát triển	2
24	7070315	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3
25	7070321	Quản trị dự án đầu tư	2
26	7070324	Quản trị nhân lực	2
27	7070327	Quản trị sản xuất	2
28	7070330	Quản trị thương hiệu	2
29	7070335	Văn hóa doanh nghiệp	2
30	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2
<i>Cộng</i>			<i>63</i>

Tiêu chuẩn C7340301_02

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7000001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
2	7000002	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
3	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
4	7000004	Kỹ năng tư duy phê phán	2
5	7000005	Tâm lý học đại cương	2
6	7000006	Tiếng Việt thực hành	2
7	7070101	Kinh doanh quốc tế	2
8	7070103	Kinh tế quốc tế	2
9	7070106	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
10	7070108	Mô hình toán kinh tế	2
11	7070110	Pháp luật về doanh nghiệp	2
12	7070112	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3
13	7070113	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	2
14	7070114	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2
15	7070205	Khởi nghiệp kinh doanh	2
16	7070211	Quản trị chiến lược	2
17	7070216	Quản trị logistics kinh doanh	2
18	7070220	Quản trị tri thức	2
19	7070222	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2
20	7070310	Kinh tế công nghiệp	3

21	7070312	Kinh tế môi trường	2
22	7070313	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	2
23	7070314	Kinh tế phát triển	2
24	7070315	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3
25	7070321	Quản trị dự án đầu tư	2
26	7070324	Quản trị nhân lực	2
27	7070327	Quản trị sản xuất	2
28	7070330	Quản trị thương hiệu	2
29	7070335	Văn hóa doanh nghiệp	2
30	7080621	Tin học văn phòng nâng cao	2
<i>Cộng</i>			<i>63</i>